

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-PT.

Ngày: 18-9-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Diệp**;
Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly Ly** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 20/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.**

Địa chỉ: Số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Bảo T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Q. Địa chỉ: Số 112 P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 230 L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 6/26 đường 20, khu phố 4, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Công ty Cổ phần Thương mại H1.**

Địa chỉ: Số 230 L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

- **Công ty Cổ phần T.**

Địa chỉ: Số 130 đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Hiếu E - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1989; địa chỉ: Tòa nhà MWG, Lô T2 - 1.2 đường D1, Khu C, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Chu Thị H - Chuyên viên Ban Pháp chế Công ty Cổ phần T. Ông N có mặt, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ vay phát sinh từ các hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết trong các năm 2016, 2017 (*vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn là 15%/năm; trả gốc và lãi hàng tháng*) với tổng số nợ là 11.980.619.755 đồng (*gồm nợ gốc là 9.435.544.032 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.545.075.723 đồng*). Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được các khoản nợ thì đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Thương mại H1, thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 38, diện tích 3.170m².

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, có ý kiến thừa nhận giao dịch vay và số nợ vay của nguyên đơn nhưng không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận bà Nguyễn Thị Ngọc N có vay và còn nợ của nguyên đơn số tiền 9.435.544.032 đồng tiền nợ gốc theo các hợp đồng mà nguyên đơn đã khởi kiện; việc nguyên đơn tính tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là đúng. Do điều kiện kinh doanh gặp khó khăn nên bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm, miễn lãi và tạo

điều kiện về mặt thời gian để bị đơn trả nợ. Bị đơn thống nhất quan điểm của nguyên đơn về việc đề nghị xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết; bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý các tài sản khác ngoài tài sản đã thế chấp theo hợp đồng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

+ Công ty Cổ phần Thương mại H1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không phản hồi ý kiến, không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không thu thập được quan điểm của Công ty.

+ Công ty Cổ phần T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng và các văn bản tố tụng nhưng chỉ có đơn xin hoãn phiên tòa, không phản hồi ý kiến, không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nên Tòa án không thu thập được quan điểm của Công ty.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 30, 35, 39, 40, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 322, 323, 324, 401, 429, 463, 465, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 11.980.619.755 (*Mười một tỷ, chín trăm tám mươi triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm năm mươi lăm*) đồng, gồm nợ gốc là 9.435.544.032 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.545.075.723 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về nội dung: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc N không trả xong các khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền lập thủ tục xử lý tài sản thế chấp là 3.170m² đất tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 01/2018/4547098/HĐBĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/12/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N

có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần lãi quá hạn; ngày 12/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Do bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn. Đồng thời, căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T xác định lại nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, công nhận cho Công ty Cổ phần T được quyền tiếp tục sử dụng đất theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Thương mại H1 và cho Công ty Cổ phần T được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi xử lý tài sản thế chấp.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T thì thấy:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Thương mại H1, trong trường hợp bị đơn không thanh toán được các khoản nợ. Cụ thể là quyền sử dụng diện tích đất 3.170m², thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/4547098/HĐBĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018. Và, yêu

cầu này của nguyên đơn được người đại diện hợp pháp của bị đơn chấp nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

[2.2] Xét thấy, hình thức, nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng thế chấp số 01/2018/4547098/HĐBĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các bên có hiệu lực pháp luật; đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc nguyên đơn có quyền lập thủ tục xử lý tài sản thế chấp theo các nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả xong các khoản nợ cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì khi xử lý quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình; quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp trong mối quan hệ với chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người nhận chuyển quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Đồng thời, tại mục 4 khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, quy định: *“Trong trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì khi xử lý quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất theo như thỏa thuận giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Quyền và nghĩa vụ giữa bên thế chấp và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người mua, người nhận chính quyền sử dụng đất”*. Theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện trên diện tích đất 3.170m², thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 38 mà Công ty Cổ phần Thương mại H1 đã thế chấp cho nguyên đơn có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần T (*bên thuê quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Thương mại H1*) là nhà xưởng, có kết cấu: mái tole, nền gạch men, la-phông nhựa, tường làm bằng kính cường lực. Khi ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, trên thửa đất của Công ty Cổ phần Thương mại H1 đã có tài sản nêu trên của Công ty Cổ phần T. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, quyết định để Công ty Cổ phần T được tiếp tục sử dụng đất trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình (*được tiếp tục sử dụng đất theo như thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Thương mại H1 và Công ty Cổ phần T trong hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 31/01/2015*); đồng thời, không dành cho Công ty Cổ phần T được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi xử lý tài sản thế chấp nếu họ có nhu cầu là thiếu sót, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước. Do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T được chấp nhận nên Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T, sửa bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 40, 147, 148, 227, 228, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 322, 323, 324, 325, 401, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 18, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 11.980.619.755 (*Mười một tỷ, chín trăm tám mươi triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm năm mươi lăm*) đồng, gồm nợ gốc là 9.435.544.032 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/11/2019) là 2.545.075.723 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc N không trả xong các khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền lập thủ tục xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 3.170m² đất tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, theo các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp số 01/2018/4547098/HĐBĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 để thu hồi nợ. Công ty Cổ phần T được tiếp tục sử dụng diện tích đất 3.170m², thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo như thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Thương mại H1 và Công ty Cổ phần T tại hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 31/01/2015. Công ty Cổ phần T được quyền ưu tiên

nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam khi xử lý tài sản thế chấp, nếu có nhu cầu.

2. **Án phí kinh doanh, thương mại và chi phí tố tụng khác:**

- **Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 119.980.619 (*Một trăm mười chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn, sáu trăm mười chín*) đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 59.511.000 (*Năm mươi chín triệu, năm trăm mười một nghìn*) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001145 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- **Chi phí tố tụng khác:** Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 2.500.000 (*Hai triệu, năm trăm nghìn*) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp nên bà Nguyễn Thị Ngọc N phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 2.500.000 (*Hai triệu, năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong (*đối với số tiền 2.500.000 đồng nêu trên*), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:** Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng mà bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000072 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam được sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000088 ngày 28/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/9/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo**